BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: , ngày tháng năm của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : Tài chính – Ngân hàng
Tên tiếng Anh : Finance and Banking
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Tài chính – Ngân hàng
Mã số :
Loại hình đào tạo : Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu đào tạo của chương trình đáp ứng mục tiêu chung của giáo dục đại học Việt Nam là đào tạo nguồn nhân lực ngành Tài chính- Ngân hàng, góp phần phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức khoa học, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo này sẽ được trang bị kiến thức khoa học và kỹ năng nghề nghiệp toàn diện. Đặc biệt, sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có những khả năng sau:

– Hiểu biết về kinh tế, chính trị; kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành/chuyên ngành được đào tạo để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

– Có kiến thức cơ bản về toán học đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

– Các kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành giúp cho người học đủ năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề liên quan đến thực tiễn trong lĩnh vực Tài chính- Ngân hàng (Hoạch định chính sách tài chính- tiền tệ, phân tích và đầu tư tài chính tài chính, tín dụng, kinh doanh ngoại hối, kinh doanh chứng khóan…) từ đó phát huy tính sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, khả năng tự học và tự nghiên cứu để nâng trình độ cao hơn..

– Khả năng tư duy, kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc nhóm, đạo đức nghề nghiệp đủ để làm việc trong môi trường làm việc liên ngành, đa văn hóa.

1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

a) Có đầy đủ sức khỏe, lý luận chính trị, đạo đức, phẩm chất cần thiết để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

b) Khả năng áp dụng các kiến thức toán học vào các vấn đề thuộc lĩnh vực liên quan ngành Tài chính – Ngân hàng.

c) Khả năng vận dụng tốt lý thuyết vào tình huống thực tế để xử lý công việc của các tổ chức tín dụng, phân tích, đánh giá tài chính (Thiết lập được sổ sách, biểu mẫu, chứng từ thương mại và chứng từ tài chính tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội khác; lập và phân tích các báo cáo tài chính; lập và thẩm định các dự án đầu tư).

d) Khả năng đảm nhận các công việc khác ngoài Tài chính – ngân hàng trong quản trị doanh nghiệp.

e) Khả năng thực hiện thành công chức năng của một thành viên trong nhóm giải quyết vấn đề đa lĩnh vực và đa chức năng.

f) Khả năng nhận diện, diễn đạt và giải quyết các vấn đề Tài chính – Ngân hàng trong một bối cảnh kinh tế toàn cầu, môi trường và xã hội.

g) Có sự hiểu biết sâu sắc về ngành nghề và trách nhiệm đạo đức trong việc hành nghề trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

h) Khả năng áp dụng các dạng giao tiếp: văn bản, lời nói; khả năng xác định và sử dụng tài liệu kỹ thuật phù hợp; Trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương TOEIC 450.

i) Cập nhật, xử lý, phân tích, đánh giá số liệu và tham mưu về lĩnh vực kinh tế như: kế toán, kiểm toán, tài chính và ngân hàng cho lãnh đạo tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

j) Nhận thức về sự cần thiết và khả năng học tập suốt đời.

k) Có kiến thức về các vấn đề đương thời.

l) Sử dụng thành thạo tin học văn phòng (có chứng chỉ MOS có điểm tối thiểu 700/1000) và sử dụng tốt các phần mềm phục vụ chuyên môn.

1.4. Ma trận chương trình đào tạo – chuẩn đầu ra của các học phần

STT	Môn học/ Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình											
		a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	X					X					X	
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	X					X					X	
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X						X			X		
4.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt nam	X										X	
5.	Pháp luật đại cương	X						X				X	
6.	Kỹ năng học tập hiệu quả	X							X				
7.	Phương pháp nghiên cứu khoa	X			X								

	học												
8.	Kỹ năng giao tiếp					X							X
9.	Logic học												
10.	Tiếng Việt thực hành								X				
11.	Xã hội học				X								
12.	Môi trường và con người												
13.	Tâm lý học kinh doanh							X	X				
14.	Lịch sử văn minh thế giới		X										
15.	Cơ sở văn hóa Việt Nam		X										
16.	Lịch sử các học thuyết kinh tế		X										
17.	Anh văn 1								X				
18.	Anh văn 2								X				
19.	Tin học đại cương												
20.	Toán cao cấp C1 (Giải tích 1 và nhiều biến)		X										
21.	Toán cao cấp C2 (Đại số tuyến tính)		X										
22.	Xác xuất thống kê		X										
23.	Quy hoạch tuyến tính		X										
24.	Toán kinh tế		X										
25.	Ứng dụng MS-Project trong quản lý			X	X								
26.	Ứng dụng Excel trong kinh doanh	X											X
27.	Giáo dục thể chất 1	X											
28.	Giáo dục thể chất 2	X											
1.	Giáo dục thể chất 3	X											
29.	Giáo dục quốc phòng an ninh 1	X											
2.	Giáo dục quốc phòng an ninh 2	X											
30.	Giáo dục quốc phòng an ninh 3	X											
31.	Kinh tế vi mô				X	X							
32.	Kinh tế vĩ mô				X	X							
33.	Nguyên lý kế toán			X									
34.	Nguyên lý thống kê		X		X	X							

35.	Lý thuyết tài chính tiền tệ			X	X	X	X	X					
36.	Luật kinh tế				X	X							
37.	Kinh tế lượng		X										
38.	Marketing căn bản				X	X							
39.	Kinh tế đầu tư				X	X							
40.	Kinh tế phát triển				X	X							
41.	Văn hóa doanh nghiệp				X	X							
42.	Quan hệ công chúng				X	X							
43.	Đạo đức kinh doanh				X	X							
44.	Tài chính doanh nghiệp 1		X	X	X		X	X					
45.	Thuế 1			X	X	X	X	X					
46.	Kế toán tài chính			X			X	X					
47.	Thanh toán quốc tế			X	X	X	X	X					
48.	Tài chính quốc tế			X	X	X	X	X					
49.	Tài chính công 1				X	X	X	X					
50.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1		X	X			X	X					
51.	Toán tài chính		X		X		X						
52.	Thị trường tài chính		X		X	X	X	X					
53.	Quản trị doanh nghiệp				X	X							
54.	Tài chính hành vi		X	X	X	X	X						
55.	Đầu tư công		X		X		X						
56.	Nghiệp vụ NHTW		X	X			X	X					
57.	Tài chính doanh nghiệp 2		X	X	X		X	X					
58.	Phân tích và hoạch định tài chính		X	X	X	X	X	X					
59.	Đầu tư tài chính		X	X	X		X						
60.	Quản trị rủi ro tài chính		X	X	X	X	X	X					
61.	Tài chính công ty đa quốc gia			X	X	X	X	X					
62.	Phân tích và đầu tư chứng khoán		X	X	X		X						
63.	Kiểm toán ngân hàng			X			X	X					
64.	Mô hình tài chính		X		X	X	X	X					
65.	Tài chính công 2				X	X	X	X					
66.	Thuế 2			X	X	X	X	X					
67.	Thẩm định dự án đầu tư công		X	X	X	X	X	X					

68.	Phân tích báo cáo tài chính_Kiểm tra thuế		X	X	X	X	X	X					
69.	Kế toán công			X			X	X					
70.	Quản lý tài chính các đơn vị dịch vụ công		X	X	X			X					
71.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2		X	X			X	X					
72.	Kinh doanh ngoại hối		X	X			X	X					
73.	Quản trị ngân hàng		X	X			X	X					
74.	Kế toán ngân hàng 1			X			X	X					
75.	Marketing ngân hàng			X	X	X	X	X					
76.	Thẩm định tín dụng		X	X	X		X	X					
77.	Thực tập tốt nghiệp			X	X	X	X	X					
78.	Khóa luận tốt nghiệp			X	X	X	X	X					
79.	Kế toán quản trị			X			X	X					
80.	Kế toán thuế			X			X	X					

1.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

– Có thể đảm nhiệm vị trí chuyên viên tài chính – ngân hàng và xa hơn là trưởng phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh hoặc giám đốc các tổ chức tín dụng, giám đốc tài chính ở các doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành tài chính – ngân hàng có thể làm việc ở các tổ chức tín dụng, làm chuyên viên phân tích tài chính tại các ngân hàng thương mại, làm việc tại cơ quan thuế và các tổ chức kinh tế khác.

– Có thể làm cán bộ giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp về đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

1.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ sau đại học trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ *(Không tính giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh, ngoại ngữ cơ bản, tin học cơ bản).*

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế Đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số ……ngày tháng năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh).*

6. Thang điểm: Theo Quy chế Đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số ……ngày tháng năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh)*.

7. Khung chương trình đào tạo

7.1. Cấu trúc kiến thức và kỹ năng của chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Khối lượng (Tín chỉ)
1	**Kiến thức giáo dục đại cương**	**35**
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**85**
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành, nhóm ngành	6
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	21
2.3	Kiến thức chung của ngành	29
2.4	Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	17
2.5	Thực tập nghề nghiệp	4
2.6	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung	8
Tổng khối lượng chương trình		**120**

7.2. Các học phần của chương trình và thời lượng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ khối lượng kiến thức (%)
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**35**	
I.1. Các môn lý luận chính trị			**10**	
1.	19200001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2(2,0,4)	
2.	19200006	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3(3,0,6)	
3.	19200002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
4.	19200003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3(3,0,6)	
I.2. Khoa học xã hội và nhân văn, kỹ năng mềm			**14**	
I.2. 1. Phần bắt buộc			**8**	
5.	19200004	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
6.	13200001	Quản trị học	2(2,0,4)	
7.	13200057	Soạn thảo văn bản	2(2,0,4)	
8.	13000075	Kỹ năng học tập hiệu quả	2(2,0,4)	Không tính tín chỉ tích lũy
9.	18200017	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2(2,0,4)	
I.2. 2. Phần tự chọn (mỗi nhóm chọn ít nhất 1 học phần)			**6**	
Nhóm 1: Phương pháp và kỹ năng			**2**	
10.	13200041	Kỹ năng giao tiếp	2(2,0,4)	
11.	18200016	Logic học	2(2,0,4)	
12.		Tiếng Việt thực hành	2(2,0,4)	

Nhóm 2: Khoa học xã hội và nhân văn			**2**	
13.	13200042	Xã hội học	2(2,0,4)	
14.	09200009	Môi trường và con người	2(2,0,4)	
15.	13200010	Tâm lý học kinh doanh	2(2,0,4)	
16.	14200030	Lịch sử văn minh thế giới	2(2,0,4)	
17.	14200002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(2,0,4)	
18.	19200005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2(2,0,4)	
I.3. Ngoại ngữ			**6**	Không tính tín chỉ tích lũy, Theo chuẩn Toeic
19.	21200001	Anh văn 1	3(3,0,6)	Theo chuẩn Toeic
20.	21200002	Anh văn 2	3(3,0,6)	
I.4. Toán, Tin học			**11**	
Phần bắt buộc			**7**	
21.	20200001	Tin học đại cương	3(2,1,3)	Không tính tín chỉ tích lũy, theo chuẩn MOS
22.	18200004	Toán cao cấp C1 (Giải tích 1 và nhiều biến)	3(3,0,6)	
23.	18200005	Toán cao cấp C2 (Đại số tuyến tính)	2(2,0,4)	
24.	18200007	Xác suất thống kê	2(2,0,4)	
Phần tự chọn (mỗi nhóm chọn ít nhất 1 học phần)			**4**	
Nhóm 1: Toán học			**2**	
25.	18200008	Quy hoạch tuyến tính	2(2,0,4)	
26.	18200011	Toán kinh tế	2(2,0,4)	
Nhóm 2: Tin học			**2**	
27.		Ứng dụng Excel trong kinh doanh	2(2,0,4)	
28.		Ứng dụng MS-Project trong quản lý	2(2,0,4)	
I.5. Giáo dục thể chất			**5**	Không tính tín chỉ tích lũy
29.	17201001	Giáo dục thể chất 1	2(0,2,4)	
30.	17201002	Giáo dục thể chất 2	1(0,1,2)	
31.	17201003	Giáo dục thể chất 3	2(0,2,4)	
I.6. Giáo dục quốc phòng			**8**	Không tính tín chỉ tích lũy
32.	17200004	Giáo dục quốc phòng an ninh 1	3(3,0,6)	
33.	17200005	Giáo dục quốc phòng an ninh 2	3(3,0,6)	

34.	17200006	Giáo dục quốc phòng an ninh 3	2(0,2,4)	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (*Kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành*)			**85**	
II.1. Kiến thức cơ sở ngành			**27**	
1. Cơ sở khối ngành (bắt buộc)			**6**	
1	13200002	Kinh tế vi mô	3(3,0,6)	
2	13200005	Kinh tế vĩ mô	3(3,0,6)	13200002(a)
2. Cơ sở ngành			**21**	
Phần bắt buộc			**19**	
1	07200001	Nguyên lý kế toán	3(3,0,6)	
2	13200003	Nguyên lý thống kê	3(3,0,6)	
3	23200001	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3(3,0,6)	13200002(a)
4	13200046	Luật kinh tế	2(2,0,4)	19200004(a)
5	13200053	Kinh tế lượng	3(3,0,6)	13200003(a)
6	13200004	Marketing căn bản	2(2,0,4)	13200002(a)
7	23200032	Kinh tế đầu tư	3(3,0,6)	
Phần tự chọn (SV chọn một trong các học phần sau)			**2**	
1	13200052	Kinh tế phát triển	2(2,0,4)	
2	13200032	Văn hóa doanh nghiệp	2(2,0,4)	
3	13200012	Quan hệ công chúng	2(2,0,4)	
4	13200025	Đạo đức kinh doanh	2(2,0,4)	
II.2. Kiến thức ngành Tài chính – Ngân hàng				
1. Kiến thức chung của ngành			**29**	
Phần bắt buộc			**27**	
1	23200003	Tài chính doanh nghiệp 1	3(3,0,6)	23200001(a)
2	23200030	Thuế 1	3(3,0,6)	07200001(a)
3	07200012	Kế toán tài chính	3(3,0,6)	07200001(a) 23200001(a)
4	23200007	Thanh toán quốc tế	3(3,0,6)	23200001(a)
5	23200006	Tài chính quốc tế	3(3,0,6)	23200001(a)
6	23200038	Tài chính công 1	3(3,0,6)	23200001(a)
7	23200010	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	3(3,0,6)	23200001(a)
8	23200009	Toán tài chính	3(3,0,6)	23200001(a)
9	23200002	Thị trường tài chính	3(3,0,6)	23200001(a)

Phần tự chọn (SV chọn 1 trong các học phần sau)			**2**	
1	13200042	Quản trị doanh nghiệp	2(2,0,4)	
2	23200008	Tài chính hành vi	2(2,0,4)	23200001(a)
3	23200024	Đầu tư công	2(2,0,4)	23200001(a)
4	23200033	Nghiệp vụ NHTW	2(2,0,4)	23200001(a)
2. Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành				
2.1. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp			**17**	
Phần bắt buộc			**15**	
1	23200043	Tài chính doanh nghiệp 2	3(3,0,6)	23200001(a) 23200003(a)
2	23200042	Phân tích và hoạch định tài chính	3(3,0,6)	07200001(a) 07200012(a) 23200003(a)
3	23200016	Đầu tư tài chính	3(3,0,6)	23200003(a)
4	23200044	Quản trị rủi ro tài chính	3(3,0,6)	23200003(a)
5	23200045	Tài chính công ty đa quốc gia	3(3,0,6)	
Phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)			**2**	
1	23200023	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2(2,0,4)	23200002(a)
2	07200035	Kiểm toán ngân hàng	2(2,0,4)	07200001(a) 23200010(a)
3	23200017	Mô hình tài chính	2(2,0,4)	23200003(a)
2.2. Chuyên ngành Tài chính nhà nước			**17**	
Phần bắt buộc			**15**	
1	23200039	Tài chính công 2	3(3,0,6)	23200038(a)
2	23200031	Thuế 2	3(3,0,6)	23200030(a)
3	23200040	Thẩm định dự án đầu tư công	2(2,0,4)	
4	23200041	Phân tích báo cáo tài chính_Kiểm tra thuế	2(2,0,4)	07200001(a)
5	07200036	Kế toán công	3(3,0,6)	07200001(a)
6	23200027	Quản lý tài chính các đơn vị dịch vụ công	2(2,0,4)	

Phần tự chọn (SV chọn 1 trong các học phần sau)			**2**	
1	23200023	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2(2,0,4)	23200002(a)
2	07200035	Kiểm toán ngân hàng	2(2,0,4)	07200001(a) 23200010(a)
3	23200017	Mô hình tài chính	2(2,0,4)	23200003(a)
2.3. Chuyên ngành Ngân hàng			**17**	
Phần bắt buộc			**15**	
1	23200011	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	3(3,0,6)	23200010(a)
2	23200022	Kinh doanh ngoại hối	2(2,0,4)	23200001(a)
3	23200029	Quản trị ngân hàng	2(2,0,4)	23200010(a)
4	07200043	Kế toán ngân hàng 1	3(3,0,6)	07200001(a) 23200010(a)
5	23200018	Marketing ngân hàng	2(2,0,4)	13200004(a)
6	23200021	Thẩm định tín dụng	3(3,0,6)	23200010(a)
Phần tự chọn (SV chọn 1 trong các học phần sau)			**2**	
1	23200023	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2(2,0,4)	23200002(a)
2	07200035	Kiểm toán ngân hàng	2(2,0,4)	07200001(a) 23200010(a)
3	23200017	Mô hình tài chính	2(2,0,4)	23200003(a)
II.3. Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)			**4**	
II.4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung			**8**	
1	23207030	Khóa luận tốt nghiệp	**8**	
Học bổ sung			**8**	
1. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp			**8**	
1	07200007	Kế toán quản trị	3(3,0,6)	07200001(a)
2	07200034	Kế toán kho bạc	2(2,0,4)	07200001(a)
3	07200043	Kế toán ngân hàng 1	3(3,0,6)	07200001(a) 23200010(a)
2. Chuyên ngành Tài chính nhà nước			**8**	

1	07200007	Kế toán quản trị	3(3,0,6)	07200001(a)
2	07200034	Kế toán kho bạc	2(2,0,4)	07200001(a)
3	07200043	Kế toán ngân hàng 1	3(3,0,6)	07200001(a) 23200010(a)
3. Chuyên ngành Ngân hàng			**8**	
1	07200007	Kế toán quản trị	3(3,0,6)	07200001(a)
2	07200034	Kế toán kho bạc	2(2,0,4)	07200001(a)
3	23200004	Tài chính doanh nghiệp 2	3(3,0,6)	23200001(a) 23200003(a)
Tổng cộng toàn khóa			**120**	

8. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c).
Học kỳ 1: 17 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc				
1	17201001	Giáo dục thể chất 1	2(0,2,4)	
2	17200005	Giáo dục quốc phòng an ninh 2	3(3,0,6)	
3	19200001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2(2,0,4)	
4	19200004	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
5	18200004	Toán cao cấp C1	3(3,0,6)	
6	13000075	Kỹ năng học tập hiệu quả	2(2,0,4)	
7	20200001	Tin học đại cương	3(2,1,3)	
Học kỳ 2: 21 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**17**	
1	17201002	Giáo dục thể chất 2	1(0,1,2)	
2	17200004	Giáo dục quốc phòng an ninh 1	3(3,0,6)	19200001(a)
3	19200006	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3(3,0,6)	19200001(a)
4	18200005	Toán cao cấp C2 (Đại số tuyến tính)	2(2,0,4)	
5	13200002	Kinh tế vi mô	3(3,0,6)	

STT	Mã học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c).
6	13200057	Soạn thảo văn bản	2(2,0,4)	
7	21200001	Anh văn 1	3(3,0,6)	
Học phần tự chọn (*Sinh viên chọn hai trong các học phần sau)*			**4**	
1	14200030	Lịch sử văn minh thế giới	2(2,0,4)	
2	14200002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(2,0,4)	
3	19200005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2(2,0,4)	
4	13200042	Xã hội học	2(2,0,4)	
5	09200009	Môi trường và con người	2(2,0,4)	
6	13200010	Tâm lý học kinh doanh	2(2,0,4)	
Học kỳ 3: 21 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**19**	
1	17201003	Giáo dục thể chất 3	2(0,2,4)	
2	17200006	Giáo dục quốc phòng an ninh 3	2(2,0,4)	
3	19200002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	19200006(a)
4	18200017	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2(2,0,4)	
5	07200001	Nguyên lý kế toán	3(3,0,6)	
6	13200005	Kinh tế vĩ mô	3(3,0,6)	13200002(a)
7	18200007	Xác suất thống kê	2(2,0,4)	18200003(a) hoặc 18200004(a)
8	21200002	Anh văn 2	3(3,0,6)	21200001(a)
Học phần tự chọn (*Sinh viên được chọn một trong các học phần sau)*			**2**	
1	18200008	Quy hoạch tuyến tính	2(2,0,4)	18200003(a)
2	18200011	Toán kinh tế	2(2,0,4)	18200003(a) hoặc 18200004(a)
Học kỳ 4: 17 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**16**	

STT	Mã học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c).
1	23200001	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3(3,0,6)	13200002(a)
2	13200004	Marketing căn bản	2(2,0,4)	
3	13200003	Nguyên lý thống kê	3(3,0,6)	
4	19200003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3(3,0,6)	19200006(a)
5	13200001	Quản trị học	2(2,0,4)	
Học phần tự chọn (*Sinh viên được chọn hai trong các học phần sau)(mỗi nhóm chọn một học phần)*			**4**	
Nhóm 1	13200052	Kinh tế phát triển	2(2,0,4)	
	13200025	Đạo đức kinh doanh	2(2,0,4)	
	13200032	Văn hóa doanh nghiệp	2(2,0,4)	
	13200012	Quan hệ công chúng	2(2,0,4)	
Nhóm 2	13200041	Kỹ năng giao tiếp	2(2,0,4)	
	18200016	Logic học	2(2,0,4)	
		Tiếng Việt thực hành	2(2,0,4)	
Học kỳ 5: 19 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**17**	
1	23200009	Toán tài chính	3(3,0,6)	23200001(a)
2	23200032	Kinh tế đầu tư	3(3,0,6)	
3	07200012	Kế toán tài chính	3(3,0,6)	07200001(a) 23200001(a)
4	23200002	Thị trường tài chính	3(3,0,6)	23200001(a)
5	13200053	Kinh tế lượng	3(3,0,6)	13200003(a)
6	13200046	Luật kinh tế	2(2,0,4)	19200004(a)
Học phần tự chọn (*Sinh viên được chọn hai trong các học phần sau)*			**2**	
1		Ứng dụng Excel trong kinh doanh	2(2,0,4)	
2		Ứng dụng MS-Project trong quản lý	2(2,0,4)	
Học kỳ 6: 20 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**18**	
1	23200003	Tài chính doanh nghiệp 1	3(3,0,6)	23200001(a)

STT	Mã học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c).
2	23200006	Tài chính quốc tế	3(3,0,6)	23200001(a)
3	23200038	Tài chính công 1	3(3,0,6)	23200001(a)
4	23200010	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	3(3,0,6)	23200001(a)
5	23200007	Thanh toán quốc tế	3(3,0,6)	23200001(a)
6	23200030	Thuế 1	3(3,0,6)	07200001(a)
Học phần tự chọn (*Sinh viên được chọn một trong các học phần sau)*			**2**	
1	23200008	Tài chính hành vi	2(2,0,4)	23200001(a)
2	13200042	Quản trị doanh nghiệp	2(2,0,4)	
3	23200024	Đầu tư công	2(2,0,4)	23200001(a)
4	23200033	Nghiệp vụ NHTW	2(2,0,4)	23200001(a)
Học kỳ 7: 17 Tín chỉ				
A. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp			**17**	
Học phần bắt buộc			**15**	
1	23200043	Tài chính doanh nghiệp 2	3(3,0,6)	23200001(a) 23200003(a)
2	23200042	Phân tích và hoạch định tài chính	3(3,0,6)	07200001(a) 07200012(a) 23200003(a)
3	23200016	Đầu tư tài chính	3(3,0,6)	23200003(a)
4	23200044	Quản trị rủi ro tài chính	3(3,0,6)	23200003(a)
5	23200045	Tài chính công ty đa quốc gia	3(3,0,6)	
Học phần tự chọn (*Sinh viên được chọn một trong các học phần sau)*			**2**	
1	23200023	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2(2,0,4)	23200002(a)
2	07200035	Kiểm toán ngân hàng	2(2,0,4)	07200001(a) 23200010(a)
3	23200017	Mô hình tài chính	2(2,0,4)	23200003(a)
B. Chuyên ngành Tài chính nhà nước			**17**	
Học phần bắt buộc			**15**	

STT	Mã học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c).
1	23200039	Tài chính công 2	3(3,0,6)	23200038(a)
2	23200031	Thuế 2	3(3,0,6)	23200030(a)
3	23200040	Thẩm định dự án đầu tư công	2(2,0,4)	
4	23200041	Phân tích báo cáo tài chính_Kiểm tra thuế	2(2,0,4)	07200001(a)
5	07200036	Kế toán công	3(3,0,6)	07200001(a)
6	23200027	Quản lý tài chính các đơn vị dịch vụ công	2(2,0,4)	
Học phần tự chọn (*Sinh viên được chọn một trong các học phần sau)*			**2**	
1	23200023	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2(2,0,4)	23200002(a)
2	07200035	Kiểm toán ngân hàng	2(2,0,4)	07200001(a) 23200010(a)
3	23200017	Mô hình tài chính	2(2,0,4)	23200003(a)
C. Chuyên ngành Ngân hàng			**17**	
Học phần bắt buộc			**15**	
1	23200011	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	3(3,0,6)	23200010(a)
2	23200022	Kinh doanh ngoại hối	2(2,0,4)	23200001(a)
3	23200029	Quản trị ngân hàng	2(2,0,4)	23200010(a)
4	07200043	Kế toán ngân hàng 1	3(3,0,6)	07200001(a) 23200010(a)
5	23200018	Marketing ngân hàng	2(2,0,4)	13200004(a)
6	23200021	Thẩm định tín dụng	3(3,0,6)	23200010(a)
Học phần tự chọn (*Sinh viên được chọn một trong các học phần sau)*			**2**	
1	23200023	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2(2,0,4)	23200002(a)
2	07200035	Kiểm toán ngân hàng	2(2,0,4)	07200001(a) 23200010(a)

STT	Mã học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c).
3	23200017	Mô hình tài chính	2(2,0,4)	23200003(a)
Học kỳ 8: 12 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc				
1	23206029	Thực tập tốt nghiệp	**4**	
Khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung			**8**	
1	23207030	Khóa luận tốt nghiệp	**8**	
Học bổ sung			**8**	
Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp			8	
1	07200007	Kế toán quản trị	3(3,0,6)	07200001(a)
2	07200034	Kế toán thuế	2(2,0,4)	07200001(a)
3	07200043	Kế toán ngân hàng 1	3(3,0,6)	07200001(a) 23200010(a)
Chuyên ngành Tài chính nhà nước			8	
1	07200007	Kế toán quản trị	3(3,0,6)	07200001(a)
2	07200034	Kế toán thuế	2(2,0,4)	07200001(a)
3	07200043	Kế toán ngân hàng 1	3(3,0,6)	07200001(a) 23200010(a)
Chuyên ngành Ngân hàng			8	
1	07200007	Kế toán quản trị	3(3,0,6)	07200001(a)
2	07200034	Kế toán thuế	2(2,0,4)	07200001(a)
3	23200004	Tài chính doanh nghiệp 2	3(3,0,6)	23200001(a) 23200003(a)

9. Mô tả tóm tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

9.1.1. Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 (19200001) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Hệ thống kiến thức về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin
- Học thuyết về chủ nghĩa duy vật lịch sử

9.1.2. Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 (19200006) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa.
- Khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng

9.1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19200002) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:
- Khái quát về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân và về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới

9.1.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (19200003) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:
- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam – chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam
- Quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng
- Nghiên cứu một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới và kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

9.1.5. Pháp luật đại cương (19200004) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:
- Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Một số chế định cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật hiến pháp, Luật dân sự và Luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự, Luật Thương mại, Luật lao động…

9.1.6. Quản trị học (13200001) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:
- Quản trị và nhà quản trị
- Môi trường và tổ chức
- Hoạch định và chiến lược
- Quản trị nguồn nhân lực
- Quản lý nhóm làm việc
- Quản trị sự thay đổi.

9.1.7. Soạn thảo văn bản (13200057) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:
- Khái quát về văn bản
- Văn bản khoa học
- Văn bản hành chính – công vụ

- Kĩ năng soạn thảo văn bản

9.1.8. Kỹ năng học tập hiệu quả (13000075) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm những nội dung sau:
- Môi trường học tập ở trường đại học
- Lập kế hoạch học tập
- Kỹ năng học tập ở trên lớp
- Kỹ năng tự học

9.1.9. Phương pháp nghiên cứu khoa học (18200017) **2 tín chỉ**

Học phần này gồm các nội dung sau:
- Tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học
- Xác định vấn đề và chọn đề tài nghiên cứu
- Các phương pháp nghiên cứu thu thập thông tin
- Các phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu
- Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học
- Thông tin khoa học và chuyển giao công nghệ.

9.1.10. Kỹ năng giao tiếp (13200041) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:
- Khái quát chung về giao tiếp
- Cấu trúc của giao tiếp
- Các kỹ năng giao tiếp cơ bản
- Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam & người nước ngoài trong thời đại toàn cầu hóa

9.1.11. Logic học (18200016) **2 tín chỉ**

Học phần này gồm các nội dung sau:
- Đại cương về logic.
- Khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, ngụy biện.
- Các quy luật cơ bản của logic hình thức.

9.1.12. Tiếng Việt thực hành ( ) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm những nội dung sau:
- Chữ viết và chuẩn chính tả
- Những vấn đề cơ bản về từ tiếng Việt
- Sử dụng dâu câu
- Câu và các phương thức liên kết câu
- Đoạn văn – cơ sở tạo lập văn bản

9.1.13. Xã hội học (13200042) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm những nội dung sau:
- Những vân đề cơ bản về xã hội học
- Đối tượng chức năng của xã hội học

- Phương pháp nghiên cứu xã hội học
- Xã hội học pháp luật
- Xã hội học chuyên biệt
- Con người và xã hội.

9.1.14. Môi trường và con người (09200009) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Khái niệm, đặc điểm, phân loại tài nguyên thiên nhiên, các thành phần của môi trường, sự cân bằng trong hệ sinh thái, dân số học và các đặc trưng.
- Tài nguyên nước, nguyên nhân, hậu quả của ô nhiễm môi trường nước, giải pháp bảo vệ nguồn tài nguyên nước trên thế giới và ở Việt Nam.
- Tài nguyên đất, ô nhiễm môi trường đất, tài nguyên khoáng sản trên thế giới và của Việt Nam.
- Tài nguyên động thực vật, tác động của con người lên tài nguyên sinh vật, phương pháp bảo tồn tài nguyên sinh vật, các vấn đề về sinh vật ngoại lại.
- Ô nhiễm môi trường không khí và các vấn đề môi trường toàn cầu: hiệu ứng nhà kính, suy giảm tầng ozone, mưa axit và chiến lược bảo vệ môi trường toàn cầu.
- Các vấn đề môi trường của Việt Nam và chiến lược bảo vệ môi trường của Việt Nam.

9.1.15. Tâm lý học kinh doanh (13200010) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Những vấn đề chung
- Những hiện tương tâm lý cá nhân
- Những hiện tương tâm lý tập thể
- Tâm lý trong hoạt động kinh doanh

9.1.16. Lịch sử văn minh thế giới (14200030) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề lý thuyết về văn minh
- Lịch sử các nền văn minh lớn: Ai Cập, Hy La, Trung Quốc, Ấn Độ, Lưỡng Hà
- Lược sử triết học, tôn giáo, thơ văn thế giới
- Các phát minh khoa học tiêu biểu

9.1.17. Cơ sở văn hóa Việt Nam (14200002) 2 tín chỉ

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Các khái niệm về văn hóa trong phân biệt với văn minh, văn hiến.
- Văn hóa nhận thức
- Văn hóa tổ chức
- Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên
- Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

9.1.18. Lịch sử các học thuyết kinh tế (19200005) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau của các học thuyết kinh tế qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội;
- Phương pháp tiếp cận của các nhà kinh tế học khi xây dựng các học thuyết kinh tế.

9.1.19. Anh văn 1 (21200001) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Chương trình này bao gồm 06 bài học từ bài 1 đến bài 6. Mỗi bài học gồm một phần từ vựng, một phần hướng dẫn ngữ pháp rõ ràng và cụ thể, các bài tập ngữ pháp, và một bài kiểm tra nhỏ (Mini test) để giúp sinh viên làm quen với hình thức đánh giá của bải thi TOEIC do ETS tổ chức.
- Những kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết theo định hướng TOEIC đạt mức độ tương đương tiền trung cấp (Pre-intermediate). Từ kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình, phục phụ cho công việc sau này.

9.1.20. Anh văn 2 (21200002) 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: (a) Anh văn 1 (21200001)

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Chương trình này bao gồm 01 bài học từ bài 7 đến bài 12. Mỗi bài học gồm một phần từ vựng, một phần hướng dẫn ngữ pháp rõ ràng và cụ thể, các bài tập ngữ pháp, và một bài kiểm tra nhỏ (Mini test) để giúp sinh viên làm quen với hình thức đánh giá của bải thi TOEIC do ETS tổ chức.
- Những kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết theo định hướng TOEIC đạt mức độ tương đương tiền trung cấp (Pre-intermediate). Từ kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình, phục phụ cho công việc sau này.

9.1.21. Tin học đại cương (20200001) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về máy tính: Lịch sử phát triển máy tính, hệ thống thông tin, các thành phần của hệ thống máy tính, mạng máy tính.
- Hệ điều hành Windows: Lịch sử phát triển của hệ điều hành Windows, đặc điểm của hệ điều hành Windows, các thành phần cơ bản của hệ điều hành Windows.
- Internet: Tổng quan về Internet, các trình duyệt Web và các hoạt động trên Internet.
- Ngôn ngữ lập trình C: Cấu trúc của chương trình C và giải bài toán cơ bản bằng ngôn ngữ lập trình C.
- Tin học văn phòng: Kiến thức cơ bản về các chương trình ứng dụng trong văn phòng.

9.1.22. Toán cao cấp C1 (18200004) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Giới hạn dãy số, hàm số
- Đạo hàm và vi phân của hàm số
- Tích phân bất định, xác định và suy rộng; ứng dụng của tích phân
- Phép tính vi phân hàm nhiều biến số
- Lý thuyết chuỗi.

9.1.23. Toán cao cấp C2 (18200005) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Ma trận - Định thức.
- Hệ phương trình đại số tuyến tính.
- Không gian véc tơ ¡ ^{n}.
- Phép biến đổi tuyến tính.
- Dạng toàn phương.

9.1.24. Xác suất thống kê (18200007) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên rời rạc và một số luật phân phối xác suất.
- Lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng về một trung bình và một tỷ lệ, kiểm định giả thuyết về một trung bình và một tỷ lệ.
- Hồi quy và tương quan.

9.1.25. Quy hoạch tuyến tính (18200008) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Lý thuyết cơ bản về quy hoạch tuyến tính.
- Thuật toán đơn hình.
- Bài toán đối ngẫu.
- Bài toán vận tải.
- Phương pháp sơ đồ mạng.

9.1.26. Toán kinh tế (18200011) 2 tín chỉ

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Giới thiệu mô hình toán kinh tế.
- Phân tích cân bằng tĩnh.
- Phân tích so sánh.
- Tối ưu hóa sản xuất và tiêu dùng.
- Mô hình tối ưu tuyến tính - bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải.

9.1.27. Ứng dụng Excel trong kinh doanh 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Cách sử dụng các hàm trong Excel như: xử lý chuỗi, ngày tháng, thống kê, tìm kiếm.
- Thiết lập cơ sở dữ liệu, sắp xếp, lọc dữ liệu.
- Áp dụng công thức mảng trong tính toán thống kê.
- Tạo lập các bảng tính xử lý kế toán tiền lương.
- Tạo lập các bảng tính xử lý kế toán hàng hoá.

9.1.28. Ứng dụng MS-Project trong quản lý 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Giới thiệu tổng quan về Microsoft Project trong công tác quản lý
- Thiết lập thông tin đầy đủ cho một dự án mới
- Tạo danh sách các công việc, danh sách nguồn lực
- Phân bổ nguồn lực cho công việc
- Quản lý tiến độ cho dự án, cân đối nguồn lực
- Trình bày báo cáo, trang in của dự án

9.1.29. Giáo dục thể chất 1 (17201001) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Khái quát về môn Điền kinh
- Kỹ thuật chạy cự ly ngắn
- Kỹ thuật chạy cự ly trung bình
- Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi
- Bài thể dục phát triển chung: 30 động tác.

9.1.30. Giáo dục thể chất 2 (17201002) 1 tín chỉ

Ở học phần này sinh viên chọn lựa 1 trong 2 môn thể thao (bóng chuyền, bơi lội) để tham gia luyện tập (chú ý nên lựa chọn các môn thể thao phù hợp với điều kiện và ngành nghề mình đang theo học).

- Môn bóng chuyền:
    - Lịch sử phát triển môn bóng chuyền
    - Một số điều luật cơ bản
    - Kỹ thuật chuyền bóng
    - Kỹ thuật đệm bóng
    - Kỹ thuật phát bóng cao tay (nam)
    - Kỹ thuật phát bóng thấp tay (nữ)
    - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài
- Môn bơi lội
    - Đặc điểm của môn bơi lội
    - Một số điều luật cơ bản
    - Làm quen với nước

- Phương pháp hô hấp (thở nước)
- Kỹ thuật làm nổi, lướt nước
- Kỹ thuật bơi trườn sấp
- Một số phương pháp tự cứu trong bơi lội
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài

9.1.31. Giáo dục thể chất 3 (17201003) 2 tín chỉ

Ở học phần này sinh viên lựa chọn 1 trong 2 môn thể thao (Võ thuật hoặc Cầu lông) để tham gia luyện tập (chú ý nên lựa chọn các môn thê thao phù hợp với ngành nghề mình đang theo học

- Môn Cầu lông:
    - Lịch sử phát triển môn cầu lông
    - Một số điều luật cơ bản
    - Kỹ thuật cầm vợt
    - Kỹ thuật cầm cầu
    - Kỹ thuật di chuyển
    - Phương pháp giao cầu và đỡ giao cầu
    - Một số phương pháp tấn công cơ bản
    - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài
- Môn Teakwondo:
    - Lịch sử phát triển môn Teakwondo
    - Một số điều luật cơ bản
    - Kỹ thuật đứng tấn
    - Kỹ thuật đấm
    - Kỹ thuật đỡ
    - Kỹ thuật đá
    - Bài quyền số 1
    - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài

9.1.32. Giáo dục quốc phòng-an ninh 1 (17200004) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Những vấn đề cơ bản Học thuyết Mac – Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.
- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
- Các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân.
- Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.
- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.
- Nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

9.1.33. Giáo dục quốc phòng-an ninh 2 (17200005) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Phòng chống chiến lược "diễm biến hòa bình" bạo loạn, lật đổ…
- Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí, công nghệ cao.
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên
- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
- Một số vấn đề dân tộc, tôn giáo…
- An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội
- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh quốc gia
- Phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội

9.1.34. Giáo dục quốc phòng-an ninh 3AB (17202006) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Điều lệnh đội ngũ tay không
- Điều lệnh đội ngũ đơn vị
- Sử dụng bản đồ
- Địa hình quân sự
- Giới thiệu vũ khí bộ binh
- Băng bó vết thương chiến tranh
- Một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK
- Huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh và các tư thế vận động trên chiến trường
- Cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật của các nhân trong chiến đấu

9.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.2.1. Kinh tế vi mô (13200002) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Tổng quan về kinh tế học.
- Cung - cầu, giá cả thị trường.
- Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng.
- Lý thuyết về sản xuất và chi phí.
- Thị trường cạnh tranh hoàn hảo.
- Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.
- Cung - cầu thị trường lao động.

9.2.2. Kinh tế vĩ mô (13200005) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Khái quát kinh tế vĩ mô.

- Cách đo lường tổng sản lượng quốc gia.
- Xác định sản lượng cân bằng.
- Chính sách tài khóa và ngoại thương.
- Mô hình IS - LM.
- Mô hình tổng cung - tổng cầu.
- Lạm phát và thất nghiệp.

9.2.3. Nguyên lý kế toán (07200001) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Đối tượng của kế toán.
- Bảng cân đối kế toán.
- Tài khoản và ghi sổ kép.
- Tính giá các đối tượng kế toán.
- Một số nghiệp vụ phát sinh chủ yếu của doanh nghiệp.

9.2.4. Nguyên lý thống kê (13200003) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Đối tượng thống kê.
- Quá trình nghiên cứu thống kê.
- Các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội.
- Kiểm định giả thuyết.
- Dãy số thời gian.
- Chỉ số.

9.2.5. Lý thuyết tài chính tiền tệ (23200001) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Tiền tệ và lưu thông tiền tệ
- Tài chính và hệ thống tài chính
- Tài chính công và chính sách tài khóa
- Tài chính doanh nghiệp
- Hệ thống các định chế trung gian tài chính
- Tín dụng và lãi suất
- Hệ thống ngân hàng
- Tài chính quốc tế
- Thị trường tài chính.

9.2.6. Luật kinh tế (13200046) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Những kiến thức cơ bản về pháp luật và điều chỉnh lĩnh vực kinh doanh
- Luật thương mại
- Các chế độ pháp lý điều chỉnh cơ cấu tổ chức
- Hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp
- Chế độ hợp đồng kinh tế
- Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp.

9.2.7. Kinh tế lượng(13200053) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Ước lượng, kiểm định giả thuyết
- Phương sai của sai số thay đổi
- Đa cộng tuyến
- Biến giả
- Tự tương quan và hệ thống mô phỏng.

9.2.8. Marketing căn bản (13200004) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Cung cấp các kiến thức cơ bản về Marketing.
- Nội dung của Marketing hỗn hợp.
- Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường.
- Các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến.

9.2.9. Kinh tế đầu tư (23200032) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Tổng quan về kinh tế đầu tư
- Nguồn vốn đầu tư
- Quản lý và kế hoạch hóa đầu tư
- Kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển
- Phương pháp lập dự án đầu tư
- Thẩm định dự án đầu tư
- Vấn đề cơ bản về đấu thầu trong dự án đầu tư
- Quan hệ quốc tế trong đầu tư.

9.2.10. Kinh tế phát triển (13200052) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển
- bản chất tăng trưởng và phát triển kinh tế
- Những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển
- Tăng trưởng kinh tế
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển phúc lợi cho con người
- Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế: Lao động, vốn, tài nguyên và công nghệ
- Các chính sách phát triển kinh tế;
- Chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn.

9.2.11. Văn hóa doanh nghiệp (13200032) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Những vấn đề cơ bản về văn hóa và văn hóa doanh nghiệp như khái niệm, các loại hình văn hóa, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của con người và xã hội.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tập trung làm rõ các vấn đề như quan niệm về văn hóa doanh nghiệp, vai trò của văn hóa trong hoạt động doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp, quan niệm xây dựng văn hóa doanh nghiệp và nội dung xây dựng văn hóa doanh nghiệp mà cốt lõi là triết lý và đạo đức kinh doanh.

- Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam được tập trung vào quá trình hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam, bản sắc văn hóa doanh nghiệp Việt Nam và xây dựng Văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập.
- Giới thiệu một số mô hình văn hóa đang được áp dụng trong nước và trên thế giới cũng như kinh nghiệm xây dựng văn hóa của một số công ty trong, ngoài nước.

9.2.12. Quan hệ công chúng (13200012) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về hoạt động quan hệ công chúng (Public Relation)
- Lợi ích của PR trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp
- Thiết kế chương trình PR
- Doanh nghiệp Việt Nam với PR
- Hoạch định chiến lược PR.

9.2.13. Đạo đức kinh doanh (13200025) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Các kiến thức về xây dựng văn hóa và đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp
- Sự cần thiết của viếc kinh doanh có đạo đức
- Văn hóa trong kinh doanh
- Những phạm trù đạo đức kinh doanh mà doanh nghiệp phải thực hiện với xã hội.

9.2.14. Tài chính doanh nghiệp 1 (23200003) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Tổng quan về tài chính doanh nghiệp
- Giá trị tiền tệ theo thời gian
- Quản lý vốn kinh doanh trong doanh nghiệp
- Định giá chứng khoán
- Chi phí sử dụng vốn
- Quyết định đầu tư

9.2.15. Thuế 1 (23200030)

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về thuế
- Thuế xuất khẩu – thuế nhập khẩu
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế thu nhập cá nhân

9.2.16. Kế toán tài chính (07200012) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ
- Kế toán tài sản cố định
- Kế toán các khoản đầu tư tài chính
- Kế toán báo cáo tài chính

9.2.17. Thanh toán quốc tế (23200007) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối.
- Các phương tiện thanh toán quốc tế.
- Các phương thức thanh toán quốc tế
- Bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế

9.2.18. Tài chính quốc tế (23200006) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tài chính quốc tế và công ty đa quốc gia
- Thị trường tài chính quốc tế
- Chu chuyển vốn quốc tế
- Thị trường tài chính phái sinh.
- Học thuyết ngang giá sức mua
- Học thuyết ngang giá lãi suất

9.2.19. Tài chính công 1 (23200038) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Vai trò và quy mô khu vực công
- Huy động nguồn lực công cho mục tiêu phát triển bền vững nền kinh tế
- Chính sách chi tiêu Nhà nước, bao gồm xem xét nội dung, phạm vi và tác động thu, chi NSNN các cấp chính quyền
- Sự phân cấp ngân sách và mối quan hệ ngân sách giữa chính quyền các cấp
- Các trạng thái cân đối ngân sách và biện pháp tài trợ thâm hụt.

9.2.20. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1 (23200010) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Tổng quan về ngân hàng thương mại

- Nghiệp vụ huy động vốn
- Những vấn đề cơ bản về tín dụng ngân hàng
- Nghiệp vụ thanh toán trong nước qua ngân hàng
- Các nghiệp vụ kinh doanh khác của ngân hàng thương mại

9.2.21. Toán tài chính (23200009) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm những nội dung như sau:

- Lãi đơn
- Lãi kép
- Chiết khấu thương phiếu
- Tài khoản vãng lai
- Chuỗi tiền tệ
- Vay vốn
- Trái phiếu
- Doanh lợi đầu tư

9.2.22. Thị trường tài chính (23200002) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về thị trường tài chính.
- Thị trường ngoại hối.
- Thị trường tiền tệ.
- Thị trường chứng khoán
- Thị trường chứng khoán phái sinh

9.2.23. Quản trị doanh nghiệp (13200042) 2 tín chỉ

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Các khái niệm về doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp.
- Quản trị chiến lược: Phân tích môi trường đầu tư bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.
- Kế hoạch điều hành sản xuất: Dự báo nhu cầu sản xuất, hoạch định các nguồn lực trong doanh nghiệp, hoạch định lịch trình sản xuất.
- Quản trị các yếu tố sản xuất như: Nguồn nhân lực, tài sản cố định, tài sản lưu động.

9.2.24. Tài chính hành vi (23200008) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Giới thiệu về tài chính hành vi.
- Những hạn chế của lý thuyết chênh lệch giá.
- Tâm lý các nhà đầu tư.
- Các trường hợp liên quan đến tài chính hành vi trong thực tế.

9.2.25. Đầu tư công (23200024) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Lý luận về đầu tư công và quản lý đầu tư công
- Nguồn vốn đầu tư công
- Quản lý và kế hoạch hóa đầu tư công
- Kết quả và hiệu quả đầu tư công
- Phương pháp lập dự án đầu tư công
- Thẩm định dự án đầu tư công
- Đấu thầu công.

9.2.26. Nghiệp vụ NHTW (23200033) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Tổng quan về ngân hàng trung ương
- Nghiệp vụ phát hành tiền
- Nghiệp vụ tín dụng và thanh toán
- Nghiệp vụ thị trường mở
- Nghiệp vụ quản lý ngoại hối
- Thanh tra giám sát và kiểm soát nội bộ của NHTW
- Điều hành chính sách tiền tệ quốc gia

9.2.27. Tài chính doanh nghiệp 2 (23200043) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Tài sản dài hạn
- Tài sản ngắn hạn và nguồn vốn để hình thành những tài sản đó
- Những vấn đề tài chính khi sát nhập, mua lại và phá sản doanh nghiệp
- Đánh giá tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

9.2.28. Phân tích và hoạch định tài chính (23200042) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp

- Phân tích bảng cân đối kế toán
- Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Phân tích các tỷ số tài chính
- Hoạch định tài chính

9.2.29. Đầu tư tài chính (23200016) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Các quan điểm về đầu tư
- Tỷ suất lợi nhuận và rủi ro;
- Quyết định phân bổ tài sản, lý thuyết thị trường hiệu quả, lý thuyết danh mục đầu tư, các mô hình định giá chứng khoán (CAPM, và lý thuyết định giá song hành APT),
- Phân tích trái phiếu, cổ phiếu, phân tích kỹ thuật trong dự báo biến động giá chứng khoán;
- Xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả và quản lý danh mục đầu tư

9.2.30. Quản trị rủi ro tài chính (23200044) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Các công cụ quản trị rủi ro tài chính
- Ước định giá các sản phẩm phái sinh
- Chiến lược phòng ngừa rủi ro bằng quyền chọn
- Chiến lược phòng ngừa rủi ro bằng hợp đồng kỳ hạn và giao sau
- Một số kỹ thuật trong quản trị rủi ro tài chính
- Đo lường độ nhạy cảm đối với quản trị rủi ro tài chính

9.2.31. Tài chính công ty đa quốc gia (23200045) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Tổng quan về tài chính công ty đa quốc gia
- Chu chuyển vốn kinh tế, Arbitrage quốc tế và ngang lãi suất
- Các mối quan hệ giữa lạm phát
- Lãi suất và tỷ giá hối đoái
- Tác động của chính phủ đối với đối với tỷ giá
- Tài trợ ngắn hạn
- Quản trị tiền mặt quốc tế
- Đầu tư trực tiếp nước ngoài
- Lập ngân sách vốn cho đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Tài trợ dài hạn, cấu trúc vốn quốc tế và chi phí sử dụng sử dụng vốn, khủng hoảng nợ quốc tế.

9.2.32. Phân tích và đầu tư chứng khoán (23200023) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Tổng quan về phân tích chứng khoán
- Phân tích tình tài chính công ty
- Phân tích kĩ thuật
- Những vấn đề cơ bản về định giá chứng khoán.
- Đầu tư chứng khoán

9.2.33. Kiểm toán ngân hàng (07220035) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Tổng quan về kiểm toán và môi trường kiểm toán
- Hệ thống kiểm soát nội bộ
- Kiểm toán hoạt động ngân quỹ
- Kiểm toán tín dụng

9.2.34. Mô hình tài chính (23200017) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về lập mô hình tài chính
- Mô hình tối ưu hóa đơn biến
- Mô hình tối ưu hóa đa biến
- Mô hình biến thiên các nhân tố đầu vào
- Dòng tiền
- Phân tích hoạt động thuê tài chính

9.2.35. Tài chính công 2 (23200039) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính công
- Khu vực công và lý thuyết hiệu quả và công bằng
- Hàng hóa công và chi tiêu công
- Lý thuyết thuế và khuôn khổ phân tích thuế hiệu quả và tối ưu
- Ngân sách nhà nước và tài trợ bội chi ngân sách.

9.2.36. Thuế 2 (23200031) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp
- Thuế nhà, đất
- Thuế tài nguyên
- Quản lý thu thuế

9.2.37. Thẩm định dự án đầu tư công (23200040) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về thẩm định dự án đầu tư công
- Ngân lưu tài chính, chi phí cơ hội của vốn, và tiêu chuẩn đánh giá đầu tư ở khu vực công.
- Những nhân tố tác động đến quá trình thẩm định dự án đầu tư khu vực công.
- Phân tích kinh tế của dự án đầu tư khu vực công.
- Phân tích hiệu quả xã hội của dự án đầu tư khu vực công.

9.2.38. Phân tích báo cáo tài chính_Kiểm tra thuế (23200041) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính.
- Các phương pháp kỹ thuận phân tích báo cáo tài chính.
- Phân tích khái quát tình hình tài chính.
- Phân tích các tỷ số tài chính.
- Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ.

9.2.39. Kế toán công (07200036) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp và đầu tư công
- Kế toán các loại tài sản trong đơn vị hành chính sự nghiệp và đầu tư công
- Kế toán các khoản thanh toán
- Kế toán nguồn kinh phí
- Kế toán thu chi trong đơn vị hành chính sự nghiệp và đầu tư công
- Hệ thống báo cáo tài chính

9.2.40. Quản lý tài chính các đơn vị dịch vụ công (23200027) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Cơ cấu các loại đơn vị công,
- Cơ chế cung ứng dịch vụ công,
- Cơ chế quản lý tài chính,
- Phương pháp lập dự toán tài chính,
- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ,
- Các quy định về quản lý, sử dụng tài sản ở đơn vị công.

9.2.41. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2 (23200011) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Nghiệp vụ cho vay
- Nghiệp vụ cho thuê tài chính

- Nghiệp vụ chiết khấu
- Nghiệp vụ bảo lãnh
- Nghiệp vụ bao thanh toán
- Nghiệp vụ tín dụng tài trợ xuất nhập khẩu

9.2.42. Kinh doanh ngoại hối (23200022) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các vấn đề cơ bản:

- Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối
- Nghiệp vụ giao ngay
- Nghiệp vụ kỳ hạn
- Nghiệp vụ hoán đổi
- Nghiệp vụ quyền chọn
- Nghiệp vụ giao sau

9.2.43. Quản trị ngân ngân hàng (23200029) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về quản trị ngân hàng .
- Quản trị vốn tự có và sự an toàn của ngân hàng
- Quản trị nợ
- Quản trị tài sản
- Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng
- Quản trị kết quả tài chính của ngân hàng thương mại

9.2.44. Kế toán ngân hàng 1 (072000) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề chung về kế toán ngân hàng: đặc điểm, chứng từ kế toán, quy trình luân chuyển chứng từ và tài khoản kế toán ngân hàng ...
- Nội dung của phương pháp hạch toán nghiệp vụ huy động vốn đối với tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành giấy tờ có giá ...
- Phương pháp kế toán nghiệp vụ tín dụng: quy trình hạch toán cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, cho vay chiết khấu, bảo lãnh ...
- Quy trình kế toán dịch vụ thanh toán qua ngân hàng như: ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc ..
- Nội dung phương pháp kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ: mua bán ngoại tệ, chuyển tiền ngoại tệ, thanh toán quốc tế ...

- Kế toán về kết quả kinh doanh: thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh của ngân hàng.

9.2.45. Marketing ngân hàng (23200018) 2 tín chỉ

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Tổng quát hơn về hoạt động marketing trong lĩnh vực tài chính ngân hàng .
- Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam
- Hoạt động kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam.
- Những ngân hàng đứng đầu thế giới trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

9.2.46. Thẩm định tín dụng (23200021) 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về thẩm định tín dụng
- Thẩm định năng lực pháp lý của khách hàng
- Thẩm định năng lực tài chính của khách hàng
- Thẩm định tài trợ xuất nhập khẩu
- Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp
- Thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay
- Phân tích đánh giá và xử lý rủi ro trong hoạt động tín dụng.

9.2.47. Thực tập tốt nghiệp 4 tín chỉ

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Sinh viên tìm hiểu thực tế và làm quen công việc tại các doanh nghiệp, các ngân hàng hoặc các đơn vị khác theo một chuyên đề hoặc liên quan đến phương hướng thực hiện luận án tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên có thể đóng vai trò là một nhân viên nghiên cứu thực tập tại đơn vị thực tập.
- Sau khi kết thúc thực tập sinh viên phải viết báo cáo thực tập hoặc làm khóa luật tốt nghiệp để trình bày: đặt ra vấn đề cần giải quyết, phương pháp nghiên cứu khảo sát, đề xuất giải pháp, kết quả thực tập, kết luận.

9. 3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung

9. 3. 1. Khóa luận tốt nghiệp (23207030) 8 tín chỉ

Khóa luận là luận án tốt nghiệp - một công trình nghiên cứu của sinh viên trước khi ra trường, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của một hoặc nhiều giảng viên. Trong quá trình nghiên cứu, sinh viên vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực chuyên ngành đào tạo.

Sau khi kết thúc thời gian làm khóa luận, sinh viên phải bảo vệ luận án trước Hội đồng khoa học.

9. 3. 2. Học bổ sung

9.3.2.1. Kế toán quản trị (07200007) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về kế toán quản trị
- Chi phí – phân loại chi phí
- Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận
- Dự toán ngân sách
- Đánh giá trách nhiệm quản lý
- Định giá sản phẩm
- Phân tích biến động chi phí sản xuất kinh doanh
- Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn
- Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định dài hạn

9.3.2.2. Kế toán thuế (07200034) **2 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Kế toán thuế giá trị gia tăng
- Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kế toán thuế thu nhập cá nhân

9.3.2.3. Kế toán ngân hàng 1 (07200043) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề chung về kế toán ngân hàng: đặc điểm, chứng từ kế toán, quy trình luân chuyển chứng từ và tài khoản kế toán ngân hàng ...
- Nội dung của phương pháp hạch toán nghiệp vụ huy động vốn đối với tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành giấy tờ có giá ...
- Phương pháp kế toán nghiệp vụ tín dụng: quy trình hạch toán cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, cho vay chiết khấu, bảo lãnh ...
- Quy trình kế toán dịch vụ thanh toán qua ngân hàng như: ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc ..
- Nội dung phương pháp kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ: mua bán ngoại tệ, chuyển tiền ngoại tệ, thanh toán quốc tế ...
- Kế toán về kết quả kinh doanh: thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh của ngân hàng.

9.3.2.4. Tài chính doanh nghiệp 2 (23200004) **3 tín chỉ**

Học phần này bao gồm những nội dung sau:

- Tài sản dài hạn
- Tài sản ngắn hạn và nguồn vốn để hình thành những tài sản đó
- Những vấn đề tài chính khi sát nhập, mua lại và phá sản doanh nghiệp
- Đánh giá tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

10.1. Đối với các đơn vị đào tạo

– Phải nghiên cứu chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

– Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

– Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

– Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

– Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

10.2. Đối với giảng viên.

– Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

– Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

– Tổ chức cho sinh viên các buổi Semina, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

10.3. Kiểm tra, đánh giá

– Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà.

– Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ.

– Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

10.4. Đối với sinh viên

– Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

– Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

– Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

– Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Semina.

– Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.

– Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

HIỆU TRƯỞNG